

Số: 32 /2021/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 05 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1768 /TTr-SCT ngày 10 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh, các PCT UBND tỉnh;
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Các CV: KT, CN, NN, TH;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT(TP, Q) (50).

Handwritten signature

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Lê Ngọc Hoa

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố Vinh được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Các tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Ngân sách cấp huyện đảm bảo kinh phí thực hiện cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện) quản lý, tổ chức thực hiện.

3. Nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu hoạt động khuyến công.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Sở Công Thương, UBND cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, đề án khuyến công có tác động lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn.

2. Các đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn theo quy định tại Điều 6 Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và các phương thức khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, đề án được UBND tỉnh ủy quyền Sở Công Thương phê duyệt đối với khuyến công tỉnh; UBND cấp huyện phê duyệt đối với khuyến công cấp huyện.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được Sở Công Thương, UBND cấp huyện phê duyệt (sau khi trừ đi kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Nội dung chi cho hoạt động khuyến công

Nội dung chi cho hoạt động khuyến công được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 28/2018/TT-BTC (trừ điểm b, d, khoản 7, Điều 6 không áp dụng trong Quy chế này).

Điều 7. Mức chi cho hoạt động khuyến công

1. Mức chi cho hoạt động khuyến công được áp dụng theo Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC. Riêng các khoản 2, 3, 5, 7 Điều 7 và các khoản 2, 4, 8, 23 Điều 8, Thông tư số 28/2018/TT-BTC được thực hiện theo các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 7 Quy chế này.

2. Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề áp dụng theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định

chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4. Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại Việt Nam áp dụng theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị Quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

5. Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An.

6. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới:

- Tổng vốn đầu tư từ 2.000 triệu đồng đến dưới 4.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 350 triệu đồng/mô hình;

- Tổng vốn đầu tư từ 4.000 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 450 triệu đồng/mô hình;

- Tổng vốn đầu tư từ 6.000 triệu đồng đến dưới 8.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 550 triệu đồng/mô hình;

- Tổng vốn đầu tư từ 8.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 650 triệu đồng/mô hình;

- Tổng vốn đầu tư từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 750 triệu đồng/mô hình;

- Tổng vốn đầu tư từ 12.000 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 850 triệu đồng/mô hình;

- Tổng vốn đầu tư từ 15.000 triệu đồng trở lên: Mức hỗ trợ 900 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ là 90 triệu đồng/mô hình.

7. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

a) Giá trị chi phí mua máy móc thiết bị đầu tư từ 100 triệu đồng đến 600 triệu đồng: Mức hỗ trợ 45% chi phí, nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở;

b) Giá trị chi phí mua máy móc thiết bị đầu tư trên 600 triệu đồng: Mức hỗ trợ 45% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở;

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

8. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện. Mức hỗ trợ không quá 120 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 30 triệu đồng/lần đối với cấp huyện;

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn. Đạt giải cấp tỉnh là 5 triệu đồng/sản phẩm; Đạt giải cấp huyện là 2 triệu đồng/sản phẩm. Ngân sách cấp huyện chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

9. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP bằng 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP bằng 1,3 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

Điều 8. Quản lý kinh phí khuyến công

1. Sở Công Thương

a) Lập kế hoạch kinh phí khuyến công gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

b) Chủ trì thẩm định, phân bổ kinh phí hỗ trợ khuyến công chi tiết theo đơn vị và nội dung gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì phê duyệt dự toán và kế hoạch thực hiện; Chỉ đạo và kiểm tra thực hiện; quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị;

d) Quyết định điều chỉnh hoặc dừng triển khai thực hiện các đề án vi phạm quy định.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp kinh phí khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

b) Kiểm tra việc phân bổ kinh phí hỗ trợ khuyến công theo đơn vị và nội dung trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện thẩm định quyết toán kinh phí khuyến công, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công của tỉnh.

3. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An

- a) Tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động khuyến công hàng năm báo cáo Sở Công Thương để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- b) Thông báo, hướng dẫn cho các đơn vị lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công; là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, báo cáo Sở Công Thương;
- c) Quản lý kinh phí khuyến công. Báo cáo Sở Công Thương, Sở Tài chính tình hình quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

Điều 9. Lập và phân bổ dự toán

1. Đối với kinh phí khuyến công cấp tỉnh

a) Hàng năm trước ngày 01/7, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn công nghiệp Nghệ An căn cứ vào kế hoạch đề nghị hỗ trợ khuyến công của các đơn vị, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình nội dung và kinh phí cho năm kế hoạch, báo cáo Sở Công Thương để gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh, Hội đồng nhân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Căn cứ dự toán được giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí Chương trình khuyến công địa phương chi tiết theo đơn vị và nội dung quy định gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện.

2. Đối với kinh phí khuyến công cấp huyện

UBND cấp huyện quyết định việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến công từ nguồn ngân sách cấp huyện đảm bảo phù hợp với tổ chức khuyến công địa phương và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 10. Triển khai thực hiện và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Thông báo dự toán kinh phí: Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định phê duyệt các đơn vị được hỗ trợ kinh phí, Sở Công Thương thông báo dự toán hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết sử dụng kinh phí phù hợp với kinh phí được hỗ trợ.

2. Tạm ứng và giải ngân kinh phí: Căn cứ thông báo dự toán kinh phí của Sở Công Thương và tiến độ thực hiện của đơn vị được hỗ trợ kinh phí, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An chuyển tạm ứng tối đa 70% khối lượng đã hoàn thành cho đơn vị được hỗ trợ. Số kinh phí còn lại được thanh toán sau khi quyết toán.

3. Quyết toán:

a) Chậm nhất 15 ngày làm việc sau khi được hoàn thành đề án, đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công lập hồ sơ quyết toán gửi Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An gồm:

- Công văn đề nghị quyết toán;

- Bản sao quyết định phê duyệt dự toán của Sở Công Thương;
- Bảng kê chứng từ quyết toán, hóa đơn chứng từ, hồ sơ liên quan đến việc triển khai đề án;
- Biên bản nghiệm thu cơ sở.

b) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An chuyển số tiền còn lại cho đơn vị thụ hưởng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán của Sở Công Thương.

Điều 11. Hỗ trợ đột xuất, điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án

1. Khi có nội dung cần hỗ trợ kinh phí khuyến công đột xuất hoặc thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao thì tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định gửi Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An tổng hợp báo cáo Sở Công Thương gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Trường hợp cần điều chỉnh đề án, đơn vị được hỗ trợ có văn bản gửi Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An nêu rõ lý do, Trung tâm xem xét báo cáo Sở Công Thương quyết định điều chỉnh đề án trong dự toán kinh phí đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công

1. Sở Công Thương

- a) Chủ trì phối hợp các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế này;
- b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án; bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, hiệu quả;
- c) Theo dõi, đánh giá, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định;
- d) Tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến hoạt động khuyến công của tỉnh.

2. Sở Tài chính

- a) Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo cho hoạt động khuyến công trong dự toán ngân sách chung của tỉnh;
- b) Phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan triển khai thực hiện tốt quy chế này.

3. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện tốt Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hàng năm, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công của tỉnh;

b) Bố trí kinh phí ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn;

c) Phối hợp Sở Công Thương kiểm tra các đề án khuyến công trên địa bàn; định kỳ hàng quý, năm báo cáo tình hình thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn.

5. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp Nghệ An

a) Phối hợp với các cơ quan đơn vị, UBND cấp huyện triển khai thực hiện quy chế này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả; triển khai thực hiện các đề án khuyến công được phê duyệt; tổ chức kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán kinh phí, mở sổ sách kế toán, hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi và bảo quản chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước; kịp thời phát hiện các vi phạm báo cáo Sở Công Thương theo quy định.

6. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công

a) Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện đề án, nếu có thay đổi hoặc phát sinh, báo cáo Sở Công Thương để xử lý theo quy định;

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu thực hiện đề án;

c) Thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin đã cung cấp, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Những nhiệm vụ, đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện trong năm 2021 trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì vẫn áp dụng hỗ trợ theo Quyết định số 53/2014/ QĐ-UB ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy chế này có sửa đổi bổ sung hoặc được thay thế thì được áp dụng theo các quy định mới, văn bản mới.



Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các đơn vị, tổ chức tham gia quản lý hoạt động khuyến công; các tổ chức, cá nhân có chương trình, đề án được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./